TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 206/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2020
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khoa;
2. Ông Nguyễn Văn Thăng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48 ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1973.**
Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyệ n G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1973.**
Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyệ n G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh P có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặ t)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình tố tụng, anh P trình bày:*

Anh và chị T chung sống với nhau do quen biết và có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G ngày 27/7/2000. Quá trình chung sống hạnh P, nhưng khoảng 07 năm nay phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nên chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sống gần 07 năm nay, không trở về, anh chị đã sống ly thân từ khi chị T bỏ nhà đi đến nay. Gia đình anh và gia đình chị T đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Do đó, anh xác định hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh xin ly hôn với chị T.

Quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Nguyễn Hồng C, sinh ngày 02/8/2000. Hiện nay cháu C đã trưởng thành, nhưng cháu C bị tai nạn không lao động được, hiện nay cháu C do anh chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh không cần chị T cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Nguyễn Hồng P.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, anh Nguyễn Hồng P có đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Thị Xuân T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng chị vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Tranh chấp xin ly hôn"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị T cưới nhau, đăng ký kết hôn vào năm 2000, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Anh, chị tiến đến hôn nhân là do tự nguyện và hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án anh P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị sống chung không hòa hợp và mâu thuẫn về vấn đề tình cảm. Tòa án triệu tập chị T nhiều lần nhưng chị T không đến Tòa để trình bày ý kiến. Chị T và anh P sống ly thân đến nay đã lâu, không thể hàn gắn được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa anh P và chị T không còn quan tâm lẫn nhau, hôn nhân của anh P và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P.

[4] Về con chung: Anh P và chị T có một con chung tên Nguyễn Hồng C sinh ngày 02/8/2000. Mặc dù cháu C đã trưởng thành, nhưng cháu C bị tai nạn không lao động được. Tuy nhiên, anh P trình bày hiện nay cháu C do anh chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh không cần chị T cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Song, chị T không đến Tòa án để trình bày ý kiến về vấn đề nuôi dưỡng cháu C và cũng không đưa ra ý kiến phản đối gì với lời trình bày của anh P. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Anh P yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Hồng P.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân T.

2. Về án phí: Anh P phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0016335 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên anh P đã nộp xong án phí.

Chị T không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh P, chị T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện GCT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Dung – Thạch Tân Dân Phan Thị Kiều Oanh